

CÁC NỘI DUNG CHỦ YẾU SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÀ ĐÔ
(Kèm theo Tờ trình Số: 40/TTr-HĐCĐ/2019 ngày 08 tháng 04 năm 2019)

STT	Điều sửa đổi	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/ bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	Phần mở đầu		Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019 số 02/ NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2019 tại trụ sở Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô và có hiệu lực toàn văn kể từ ngày 18 tháng 04 năm 2019	Để ghi nhận lý do, thời gian sửa đổi Điều lệ Công ty.
2	Điều 1. Định nghĩa	Khoản a “Vốn điều lệ” là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.	a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại và được ghi trong Điều lệ công ty.	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 1, Điều 111 Luật doanh nghiệp 2014 quy định về Vốn điều lệ Công ty cổ phần
		“Luật doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/ QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005	Luật doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/ 2014/ QH13 được Quốc hội thông qua vào ngày 26/11/ 2014	Do Luật doanh nghiệp 2005 sẽ hết hiệu lực từ ngày 1/7/ 2015 và được thay thế bằng Luật doanh nghiệp ngày 26/11/ 2014
3	Điều 2.	1. Tên Công ty: o Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÀ ĐÔ o Tên tiếng Anh: Hado Group o Tên giao dịch và viết tắt: HADOGROUP	1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÀ ĐÔ o Tên giao dịch và viết tắt: HADOGROUP	Trên Giấy CN ĐKDN không có, không nên đưa vào, tên tiếng anh ntn không đúng.
	Điều 3.1	Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: •2. Sản xuất, mua bán linh kiện máy tính, thiết bị thông tin liên lạc, viễn thông.	Bỏ	Do xin ĐHĐCĐ bỏ ngành nghề kinh doanh không phát sinh nhưng lại hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài xuống 0%
4	Điều 4.1	1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này ...	1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này...	Theo quy định Điều 29 Luật DN 2014, nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không thể hiện nội dung các ngành nghề đăng ký kinh doanh của công ty. Nội dung này được cập nhật tại Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
	Điều 4.2	2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và Hội đồng quản trị phê chuẩn.	2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	Căn cứ Điều 49 Nghị định 78/2015/NĐ-CP hướng dẫn LDN 2014 thì quyết định bổ sung, thay đổi ngành, nghề đăng ký kinh doanh phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
5	Điều 5.1	Vốn điều lệ của Công ty ...	1. Vốn điều lệ của Công ty 949.520.306.000 (Chín trăm bốn mươi chín tỷ, năm trăm hai mươi triệu, ba trăm linh sáu nghìn đồng) Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 94.952.036 (Chín mươi tư triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn, không trăm ba mươi sáu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần.	(Cập nhật số liệu vốn điều lệ mới)
	Điều 5.3	Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 11	Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 11 và Điều 12 Điều lệ này	Điều 11 Điều lệ quy định về quyền; Điều 12 Điều lệ quy định về nghĩa vụ của cổ đông, do đó cần bổ sung thêm Điều 12.
6	Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu		Toàn bộ nội dung điều này theo đúng quy định tại Điều 120 Luật doanh nghiệp. Ngoài ra thêm nội dung: "Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu".	Sửa đổi theo LDN năm 2014

STT	Điều sửa đổi	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/ bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
7	Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	<p>1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng, hưởng cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán cổ tức.</p>	<p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p>	Sửa theo Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017/TT-BTC.
8	Điều 9. Thu hồi cổ phần	9.3. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 15% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.	1. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 15% một năm)... Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.	Theo quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự 2015: lãi suất không quá 15% một năm Phần bồi đo "hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó" nhằm tăng quyền cho Hội đồng quản trị
9	Điều 10: Cơ cấu tổ chức quản lý	Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: a.Đại hội đồng cổ đông; b.Hội đồng quản trị; c.Ban kiểm soát. d.Tổng Giám đốc ;	Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: a.Đại hội đồng cổ đông; b.Hội đồng quản trị; c.Các ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, trong đó bao gồm Ủy ban kiểm toán nội bộ; d. Ban Tổng Giám đốc	Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty. Lựa chọn mô hình không có Ban Kiểm soát theo Điều 134 Luật doanh nghiệp
10	Điều 11. Quyền của các cổ đông	<p>Khoản 2. Điểm a) Tham gia các Đại hội đồng cổ đông....</p> <p>Khoản 2. Điểm h) Yêu cầu công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Khoản 3. Điều a) Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.0 và Điều 36.2.</p> <p>Khoản 3. Điểm b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Khoản 2. a. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ...</p> <p>Khoản 2. h) Yêu cầu công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 129 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Khoản 3.a) Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 25.2 và Điều 36.2</p> <p>Khoản 3. b) Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp</p>	Nội dung quy định tại điều 90 luật doanh nghiệp 2005 được quy định tại điều 129 Luật Doanh nghiệp 2014. Bổ sung thêm Điều 24 nên làm thay đổi thứ tự các Điều. Nội dung quy định tại Điều 79 và 97 Luật doanh nghiệp năm 2005 được quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp năm 2014
11	Điều 12. Nghĩa vụ của các cổ đông	Chuyển khoản 8 thành khoản 9 và bổ sung khoản 8 mới	8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty	Bổ sung thêm nghĩa vụ của cổ đông

STT	Điều sửa đổi	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/ bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
12	Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	Khoản 3. Điểm e)... các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp ...	e. ... các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp ...	Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2005 được quy định tại điều 160 Luật Doanh nghiệp 2014
		Khoản 4. Điểm b) Trường hợp.... Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp	b. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp	Điều 97 Luật Doanh nghiệp 2005 được quy định tại điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014
13	Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ	Khoản 2. Điểm 1. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; Khoản 2. Điểm n: Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị	l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; n. <i>Bỏ</i>	Theo Điều 135 Luật Doanh nghiệp
		Khoản 2. Điểm o) Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất	o) Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.	Theo Điều 162 LDN
14	Điều 15. Các đại diện được ủy quyền		Sửa tên Điều 15 thành: Đại diện theo ủy quyền. Toàn bộ nội dung Điều 15 được sửa đổi theo Điều 16 Điều lệ mẫu TT 95	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu quy định tại TT95
15	Điều 17. Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). , thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị; c. Phiếu biểu quyết; d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.	Sửa theo Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017/TT-BTC. Thời hạn gửi thông báo mời họp giảm từ 15 ngày xuống 10 ngày cho phù hợp thực tế (không trái với quy định của Điều 139 LDN 2014)

STT	Điều sửa đổi	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/ bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
16		2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty; b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp. a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn 5 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty; b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; c. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp; f. Các công việc khác phục vụ đại hội.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu quy định tại TT95 hướng dẫn Nghị định 71
17	Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp đại hội đồng cổ đông		Sửa đổi bổ sung toàn bộ Điều 18 theo Điều 19 Điều lệ mẫu TT95	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu quy định tại TT95 hướng dẫn Nghị định 71
18	Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; ... 9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự 10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:...	8. Người triệu tập Đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; ... 9. Người triệu tập Đại hội có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự ... 10. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:	Theo Luật doanh nghiệp 2014 và Điều lệ mẫu quy định tại Thông tư 95
19	Điều 20. Thông qua quyết định của ĐHDCĐ		Điều 20: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị. 2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp. 3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ [65%] trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu quy định tại Thông tư 95
20	Điều 21. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề quy định tại khoản 2 điều 14 Điều lệ này bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề quy định tại khoản 1 điều 20 Điều lệ này bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty	Điều 20.1 quy định các trường hợp phải biểu quyết tại cuộc họp, không được lấy ý kiến bằng văn bản, trong khi điều 14.2 quy định về các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHDCĐ

STT	Điều sửa đổi	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/ bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	đồng cổ đông	<p>3. e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>Khoản 4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến, bị tẩy sửa, tẩy xoá, đánh dấu, thêm ký hiệu hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;</p> <p>Khoản 9. Thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phiếu biểu quyết chấp thuận.</p>	<p>3. e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Phiếu lấy ý kiến có thể gửi về Công ty bằng fax hoặc thư điện tử nhưng phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến, hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử, bị tẩy sửa, tẩy xoá, đánh dấu, thêm ký hiệu hoặc đã bị mở đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p>	
				Theo Điều 145 Luật doanh nghiệp, cho phép cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến bằng fax và thư điện tử
				Theo quy định tại Khoản 4 Điều 144 Luật Doanh nghiệp
21	Điều 22. Biên Bản họp ĐHĐCĐ		Sửa đổi, bổ sung nội dung điều này theo đúng quy định tại Điều 146 Luật doanh nghiệp	Theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ mẫu quy định tại TT 95
22	Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ	<p>Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;</p> <p>2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>Trong trường hợp quyết định cả ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>Trong trường hợp</p>	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 147 Luật doanh nghiệp và Điều lệ mẫu TT95
23	Điều 24. Hiệu lực các nghị quyết của ĐHĐCĐ	Bổ sung thêm điều 24 và thay đổi thứ tự các điều tương ứng phía sau	<p>Điều 24. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.</p> <p>2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p> <p>3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền</p>	Bổ sung nội dung này theo đúng quy định tại điều 148 Luật Doanh nghiệp 2014

STT	Điều sửa đổi	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/ bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
24	Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị		<p>2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;</p> <p>c) Thành viên HĐQT có thể đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty khác phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>3. Thành viên độc lập HĐQT có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;</p> <p>b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;</p> <p>c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;</p> <p>d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;</p> <p>e) Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT. BKS của Công ty ít nhất trong 05 năm liền</p>	Bổ sung theo quy định của Luật DN và Nghị định 71
25	Điều 26. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT	<p>Khoản 3:</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;</p> <p>f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</p> <p>g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p>i. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi Cổ phần của công ty;</p>	<p>Khoản 3, Bổ sung các nội dung sau:</p> <p>- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác</p> <p>- Quyết định việc phát hành trái phiếu không chuyển đổi, đề xuất phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước,</p> <p>- Quyết định giá chào bán cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p>- Quyết định các hợp đồng, hoặc phương án, dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Báo cáo tài chính gần nhất được hiểu là báo cáo tài chính của Công ty được lập không quá 90 ngày trước ngày ra quyết định;</p> <p>n. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;</p>	Tăng quyền của HĐQT, theo quy định TT95, đặc biệt là mục góp vốn, mua cp của DN Khác mà không quy định tỷ lệ. Việc phát hành trái phiếu thuộc quyền hạn của HĐQT. Giá trị tài sản dưới 25% do Người đại diện theo PL quyết định
26		4. c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn,... (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh);	4. c. Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn,...(bao gồm nhưng không giới hạn các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh)	Điều 108.2 và 120.3 Luật DN 2005 tương ứng Điều 149.2 và 162.3 Luật DN 2014. Tăng quyền cho HĐQT
27	Điều 27. Chủ tịch, Phó CT HĐQT	1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch	1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch	Bổ cụm từ "Đại hội đồng cổ đông hoặc" nhằm tăng quyền cho HĐQT, phù hợp với Điều 149.2.i Luật DN 2014

STT	Điều sửa đổi	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/ bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
28		4. Hoạt động theo mô hình Tập đoàn gồm công ty mẹ và các công ty con (Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô gọi tắt là Tập đoàn) với một Tập đoàn nhiều công ty con do còn có nhiều vấn đề lãnh đạo, chỉ đạo còn mới mẻ, chưa ổn định, thiếu quy định pháp lý chặt chẽ cho nên Chủ tịch HĐQT công ty mẹ kiểm soát cả CTHĐQT các công ty con.....	Bỏ nội dung này	Căn cứ khoản 3 Điều 12 NĐ 71/2017/NĐ-CP về quản trị công ty đại chúng: "Thành viên Hội đồng quản trị của 01 công ty đại chúng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác". Theo đó, nội dung này cần loại bỏ.
29	Điều 29. Các cuộc họp của HĐQT	<p>3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch triệu tập cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;</p> <p>b. Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Đa số thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>8. Số thành viên tham dự tối thiểu..... Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. ...</p> <p>Khoản 14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.</p>	<p>3. Các cuộc họp bất thường. ..., không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;</p> <p>b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 cán bộ quản lý khác;</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>8. Số thành viên tham dự tối thiểu..... Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải triệu tập lại trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. ...</p> <p>Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản cuộc họp. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo Điều lệ mẫu và phù hợp với Điều 153.4 Luật Doanh nghiệp 2014.</p> <p>Sửa đổi theo Điều 153.8 Luật Doanh nghiệp 2014.</p> <p>Theo điều 154 Luật Doanh nghiệp, BB họp HĐQT không nhất thiết phải có đủ chữ ký của các thành viên dự họp</p>

STT	Điều sửa đổi	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/ bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
30			<p>Bổ sung Điều 30, 31 vào ngay sau Điều 29 và thay đổi thứ tự các điều khoản phía sau. Nội dung cụ thể:</p> <p>Điều 30. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị thành lập Ban Kiểm toán nội bộ và các Tiểu ban khác để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc thành lập các Tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Những người bên ngoài được mời tham gia các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị sẽ được ký hợp đồng lao động, được trả lương và nhận thù lao theo chế độ quy định, được tham gia học tập, cập nhật kiến thức.</p> <p>3. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các Tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Việc thực thi các quyết định của Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc của người có tư cách thành viên Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>4. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.</p>	<p>Theo điểm b khoản 1 Điều 134 LDN, nếu lựa chọn mô hình quản lý không BKS thì phải có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT. Vì vậy, bổ sung điều khoản về thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT và việc tổ chức, hoạt động của Ban kiểm soát nội bộ.</p>
			<p>Điều 31. Ban kiểm toán nội bộ (Ủy ban Kiểm toán).</p> <p>1. Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ phải có đủ các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a) Có bằng đại học trở lên các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu kiểm toán, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ.</p> <p>b) Đã có thời gian từ 05 năm trở lên làm việc theo chuyên ngành đào tạo hoặc từ 03 năm trở lên làm việc tại đơn vị đang công tác hoặc từ 03 năm trở lên làm kiểm toán, kế toán hoặc thanh tra.</p> <p>c) Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của đơn vị; có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin; có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ.</p> <p>d) Chưa bị kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên do sai phạm trong quản lý kinh tế, tài chính, kế toán hoặc không đang trong thời gian bị thi hành án kỷ luật.</p> <p>e) Các tiêu chuẩn bổ sung khác theo quy định pháp luật từng thời kỳ.</p> <p>2. Số lượng thành viên Ban Kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị quyết định tại từng thời điểm. Các thành viên tiểu ban phải có ít nhất 1 người là thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc không điều hành làm Trưởng ban.</p>	

STT	Điều sửa đổi	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/ bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>3. Ban Kiểm toán nội bộ có các quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này, thực hiện và tiến hành kiểm tra trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm toán nội bộ phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm toán nội bộ quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động hoạt động kinh doanh của công ty;</p> <p>b) Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này thì phải yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm, đồng thời gửi thông báo bằng văn bản đến Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị ra quyết định xử lý;</p> <p>c) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;</p> <p>d) Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của công ty. Lập nội dung thẩm định này trong báo cáo Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>đ) Kiểm toán nội bộ: Ban Kiểm toán nội bộ chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm toán nội bộ của công</p>	
32	Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên BKS, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.	3. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty con, công ty liên kết của Công ty.	Theo Điều 40.4 Điều lệ Mẫu
33	Điều 37. Thành viên ban kiểm soát		Bỏ nội dung hai điều khoản này, đồng thời bỏ tất cả các nội dung liên quan đến Ban kiểm soát trong toàn điều lệ	Do thay đổi cơ cấu tổ chức theo hướng bỏ Ban Kiểm soát nên loại hai nội dung này và các nội dung liên quan.
34	Điều 38. Ban Kiểm soát			
35	Điều 39. Quyền điều tra sổ sách	Khoản 1) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 240 và Điều 36.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền,	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 25.2 và Điều 37.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, ...	Sửa lỗi chính tả vì Điều lệ không có điều 240. Sửa điều 36.2 thành 37.2 vì bổ sung thêm điều 24
36	Điều 47. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh	1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho	Sửa điều 49 thành điều 50 vì bổ sung thêm điều 24

STT	Điều sửa đổi	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/ bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>Khoản 1. ... và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, ...</p> <p>Khoản 4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên website đó. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.</p>	<p>Khoản 1. Bổ quy định về thời hạn nộp báo cáo tài chính (90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính).</p> <p>Khoản 4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên website đó.</p>	<p>Có thể được gia hạn lên 100 ngày nên bỏ nội dung này</p>
37	Điều 58: Ngày hiệu lực	<p>1. Bản Điều lệ này gồm XXI chương 58 điều, được thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 số 28/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2015 tại trụ sở Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô và có hiệu lực toàn văn kể từ ngày ... tháng ... năm 2015.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá như nhau, trong đó: c. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương d. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố e. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty</p>	<p>1. Bản Điều lệ này gồm ... chương ... điều, được thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm số .../NQ-ĐHĐCĐ ngày .../.../20... của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô và có hiệu lực toàn văn kể từ ngày ... tháng ... năm 20....</p> <p>2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị pháp lý như nhau được nộp tới các cơ quan chức năng liên quan và được lưu trữ tại Công ty</p>	<p>Số điều khoản của ĐL này sẽ được cập nhật sau khi được ĐHĐCĐ thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung. Phân chữ đỏ để điền thông tin tùy vào thời điểm thông qua Điều lệ sửa đổi này.</p>